UBND TỈNH KHÁNH HÒA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

Số: /BC-CĐKTCN  *Khánh Hòa, ngày tháng năm 2022*

**BÁO CÁO**

**Kết quả đào tạo hệ trung cấp khóa 13 niên khóa 2019 - 2021**

**I. Khái quát đặc điểm tình hình khóa học**

Năm 2019 Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang tuyển sinh 24 lớp trung cấp của 14 nghề với 878 học sinh.

Nhà trường đã tạo điều kiện cho các em học tập, rèn luyện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu thực tế xã hội, các em học sinh đã không ngừng cố gắng trao dồi chuyên môn nghề nghiệp.

Sau 2 năm học tập còn 567 học sinh theo học, chiếm tỷ lệ 64,57% và hôm nay có 478 em hoàn thành khóa học trên tổng số 505 học sinh đủ điều kiện dự thi đạt tỷ lệ 94,7%.

**II. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện**

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-CĐKTCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế, theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng.

Kết quả đào tạo các lớp trung cấp K13 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoa** | **Tên lớp** | **Tổng số HS  đầu khóa** | **Số HS còn lại** | **Đủ điều kiện** | **Không đủ điều kiện** | **Đạt TN lần 1** | **Đạt TN lần 2** | **Không đạt TN** | **Tỉ lệ TN so với SV dự thi (%)** | **Tỉ lệ TN so với SV đầu vào (%)** |
| 1 | CNSH & CNMT | CTP13TC3A | 29 | 18 | 18 | 0 | 16 | 2 | 0 | 100,0 | 62,1 |
| 1 | CƠ KHÍ | COT13TC3A | 40 | 22 | 20 | 2 | 11 | 8 | 1 | 95,0 | 47,5 |
| 2 | COT13TC3B | 31 | 21 | 15 | 6 | 2 | 11 | 2 | 86,7 | 41,9 |
| 3 | COT13TC3C | 39 | 23 | 19 | 4 | 4 | 14 | 1 | 94,7 | 46,2 |
| 4 | KXD13TC3A | 9 | 5 | 5 | 0 | 3 | 1 | 1 | 80,0 | 44,4 |
| 5 | CGK13TC3A | 17 | 8 | 8 | 0 | 7 | 0 | 1 | 87,5 | 41,2 |
| 1 | Đ-ĐT | DD13TC4A | 21 | 14 | 11 | 3 | 8 | 2 | 1 | 90,9 | 47,6 |
| 2 | ĐCN13TC4A | 49 | 22 | 20 | 2 | 18 | 1 | 1 | 95,0 | 38,8 |
| 3 | LĐ13TC4A | 41 | 30 | 28 | 2 | 14 | 10 | 4 | 85,7 | 58,5 |
| 4 | LĐ13TC4B | 45 | 29 | 22 | 7 | 11 | 11 | 0 | 100,0 | 48,9 |
| 5 | ĐTC13TC4A | 8 | 4 | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 100,0 | 50,0 |
| 6 | CTT13TC4A | 41 | 34 | 33 | 1 | 28 | 5 | 0 | 100,0 | 80,5 |
| 7 | CTT13TC4B | 36 | 21 | 19 | 2 | 16 | 1 | 2 | 89,5 | 47,2 |
| 1 | DL-TM | HDL13TC4A | 42 | 32 | 31 | 1 | 25 | 5 | 1 | 96,8 | 71,4 |
| 2 | HDL13TC4B | 46 | 33 | 27 | 6 | 19 | 5 | 3 | 88,9 | 52,2 |
| 3 | QKS13TC4A | 49 | 32 | 31 | 1 | 26 | 4 | 1 | 96,8 | 61,2 |
| 4 | QKS13TC4B | 49 | 37 | 31 | 6 | 30 | 1 | 0 | 100,0 | 63,3 |
| 5 | CMA13TC4A | 42 | 29 | 26 | 3 | 21 | 4 | 1 | 96,2 | 59,5 |
| 6 | CMA13TC4B | 42 | 36 | 27 | 9 | 22 | 4 | 1 | 96,3 | 61,9 |
| 7 | CMA13TC4C | 42 | 32 | 31 | 1 | 9 | 21 | 1 | 96,8 | 71,4 |
| 8 | CMA13TC4D | 43 | 28 | 26 | 2 | 15 | 10 | 1 | 96,2 | 58,1 |
| 9 | NNH13TC4A | 49 | 22 | 21 | 1 | 18 | 2 | 1 | 95,2 | 40,8 |
| 10 | NNH13TC4B | 49 | 23 | 22 | 1 | 14 | 7 | 1 | 95,5 | 42,9 |
| 11 | KDN13TC4A | 19 | 12 | 10 | 2 | 7 | 1 | 2 | 80,0 | 42,1 |
| **TỔNG HỢP** | | | **878** | **567** | **505** | **62** | **348** | **130** | **27** | **94,7** | **54,4** |

Kết quả tốt nghiệp:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần thi** | **Tổng số**  **HS**  **dự thi** | **Đạt tốt nghiệp** | | | | **Không đạt tốt nghiệp** | | | |
| **Số lượng** | | **Tỉ lệ (%)** | | **Số lượng** | | **Tỉ lệ (%)** | |
| Lần 1 | 505 | 348 | | 68,9 | | 157 | | 31,1 | |
| Lần 2 | 139 | 130 | | 93,5 | | 9 | | 6,5 | |
| TỔNG HỢP | | | 478 | | 94,7 | | 22 | | 4,2 | |

Kết quả xếp loại tốt nghiệp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xếp loại tốt nghiệp** | **Tổng cộng** | **Tỉ lệ (%)** |
| Xuất sắc | 0 | 0 |
| Giỏi | 12 | 2,37 |
| Khá | 174 | 34,45 |
| Trung bình khá | 249 | 49,30 |
| Trung bình | 43 | 8,51 |
| Không đạt tốt nghiệp | 27 | 5,34 |

Học sinh các lớp hệ trung cấp Khóa 13 là một khóa học đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh, thời gian học gián đoạn giữa trực tiếp và trực tuyến, thời gian thi dời lùi so với kế hoạch và kết quả thi tốt nghiệp lần 1 chỉ đạt 68,9% là kết quả không cao, nhà trường đã tạo điều kiện cho các em ôn tập, dự thi lần 2 và sau 2 lần thi đạt 94,7% học sinh tốt nghiệp là một kết quả đánh giá được sự cố gắng của các em và của quý thầy cô giảng dạy nghề nghiệp.

Kết quả đạt được như trên là cả quá trình đầu tư trí tuệ, tình cảm, trách nhiệm của giảng viên trong từng bộ môn, từng khoa và của cả nhà trường, đặc biệt sự nỗ lực rèn luyện chuyên môn nghề nghiệp của các em học sinh khóa 13.

**III.** **Những kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện**

1. Chương trình đào tạo

Đúc kết kinh nghiệm của các khóa trước vể đào tạo nghề, qua khảo sát, đánh giá yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp của xã hội, các bộ môn cùng với các phòng ban chuyên môn thường xuyên rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng cường thực hành tại doanh nghiệp, xây dựng môn học/mô đun phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

2. Cơ sở vật chất

Hàng năm trường đã tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho từng ngành nghề, từng mô đun đào tạo.

Khóa học này các em được học tại trường mới (Phước Đồng – Nha Trang) với cơ sở khang trang, khu thực hành, phòng học lý thuyết rộng rãi, nhiều nghề được đầu tư mới thiết bị thiết bị để học sinh có thể học tập chuyên môn, rèn luyện nghề nghiệp tốt nhất.

3. Đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ giảng viên nhà trường thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kịp thời những tiến bộ của khoa học, công nghệ để đầu tư bài giảng tốt nhất;

- Giảng viên thường xuyên khảo sát tại các doanh nghiệp để tiếp cận thực tiễn áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào bài giảng của mình;

- Giảng viên luôn tạo dựng mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp để tạo cơ hội cho học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp.

Qua thực tiễn đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp là trách nhiệm của nhà trường nhằm cung cấp cho xã hội nguồn lao động có năng lực làm việc, đáp ứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

**IV. Kết luận**

Kết quả tốt nghiệp nêu trên đã phản ánh đúng chất lượng đào tạo của nhà trường. Đó là kết quả trong quá trình giảng dạy của cán bộ giảng viên và học tập của học sinh khóa 13, đến nay đã hoàn thành và kết thúc khóa học nghề và phần lớn các em tiếp tục học văn hóa lớp 12 tại trường và học liên thông cao đẳng trong năm học đến.

Các em cần phải tiếp tục học hỏi, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, áp dụng vào học tập, công tác trên các lĩnh vực và học lên các bậc học cao hơn.

***Nơi nhận*: HIỆU TRƯỞNG**

- Tổng cục GDNN (b/c);

- UBND tỉnh KH (b/c);

- Sở LĐ - TB &XH (b/c);

- Cổng thông tin điện tử trường;

- Lưu: VT, ĐT.